PHỤ LỤC 1: ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 17/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2026 của HĐND xã Xuân Đông)

Đơn vị: Ngàn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2026	Dự toán bổ sung	Tổng dự toán sau điều chỉnh, bổ sung năm 2026
A	*B*	*(1)*	*(2)*	*(3)=(1)+(2)*
A	**TỔNG NGUỒN THU NSĐP**	**271.080.000**	**65.784.727**	**336.864.727**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**46.431.000**	**4.697.000**	**51.128.000**
1	Thu NSĐP hưởng 100%	11.526.000	4.520.000	16.046.000
2	Thu NSĐP hưởng từ các khoản thu phân chia	34.905.000	177.000	35.082.000
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**224.649.000**	**33.355.426**	**258.004.426**
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	224.649.000	-4.967.000	219.682.000
2	Thu bổ sung có mục tiêu	0	38.322.426	38.322.426
3	Thu hoàn trả ngân sách cấp trên			0
III	**Thu từ nguồn thu XHH GTNT**			0
IV	**Thu kết dư**		**14.444.932**	**14.444.932**
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		**13.287.369**	**13.287.369**
B	**TỔNG CHI NSĐP**	**271.080.000**	**65.784.727**	**336.864.727**
I	**Tổng chi cân đối NSĐP**	**271.080.000**	**65.784.727**	**336.081.025**
1	Chi đầu tư phát triển	57.803.000	874.000	58.677.000
2	Chi thường xuyên	207.442.000	64.910.727	272.352.727
3	Chi hoàn trả nhân dân đóng góp			0
4	Chi nộp ngân sách cấp trên		-783.702	-783.702
5	Dự phòng ngân sách	5.835.000		5.835.000
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			0
II	**Chi các chương trình mục tiêu**			0
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			0
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**			
C	**BỘI CHI NSĐP/BỘI THU NSĐP**			
D	**CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSĐP**			
I	**Từ nguồn vay để trả nợ gốc**			
II	**Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh**			
E	**TỔNG MỨC VAY CỦA NSĐP**			